

Số: 183 /BC-UBND

Quảng Ngãi, ngày 18 tháng 8 năm 2017



BÁO CÁO

**Đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư công năm 2017
và xây dựng kế hoạch đầu tư công năm 2018**

TRUNG TÂM CÔNG ĐÁO & TIN HỌC Q. NGÃI	
CV	Số: 7205
ĐẾN	Ngày: 18/8/17
	Chức: 2017

A. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2017

Thực hiện các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ và các Bộ, ngành Trung ương về giao dự toán ngân sách năm 2017; Nghị quyết số 33/2016/NQ-HĐND ngày 14/12/2016 của HĐND tỉnh khóa XII, kỳ họp lần thứ 04 về kế hoạch đầu tư phát triển năm 2017, UBND tỉnh đã ban hành các Quyết định: số 685a/QĐ-UBND ngày 16/12/2016 về việc giao kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách địa phương; số 93/QĐ-UBND ngày 24/01/2017 về việc giao kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn vốn Chương trình mục tiêu; số 256/QĐ-UBND ngày 05/4/2017 về việc giao kế hoạch vốn đầu tư phát triển Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững; số 464/QĐ-UBND ngày 20/3/2017 về việc giao vốn Chương trình xây dựng nông thôn mới.

I. Tình hình thực hiện và giải ngân vốn đầu tư phát triển 6 tháng đầu năm và ước thực hiện cả năm 2017

1. Về kế hoạch vốn: Tổng kế hoạch vốn là 3.178,075 tỷ đồng, trong đó:

1.1. Vốn trung ương là 782,745 tỷ đồng.

- Vốn Chương trình MTQG là 359,612 tỷ đồng.

+ Nông thôn mới là 138,000 tỷ đồng

+ Giảm nghèo bền vững là 221,612 tỷ đồng

- Vốn Chương trình mục tiêu là 334,540 tỷ đồng.

- Vốn ODA là 88,593 tỷ đồng

1.2. Vốn cân đối NSĐP là 2.395,363 tỷ đồng.

- Vốn đầu tư trong nước và Xổ số kiến thiết là 1.845,330 tỷ đồng.

- Vốn quỹ đất là 550 tỷ đồng.

Ngoài ra, trong 6 tháng đầu năm UBND tỉnh giao bổ sung 137,843 tỷ đồng, bao gồm: vốn khắc phục lũ lụt là 70 tỷ đồng, vốn từ Chương trình mục tiêu và bổ sung có mục tiêu đã hết nhiệm vụ chi là 67,843 tỷ đồng.

2. Kết quả giải ngân trong 6 tháng đầu năm

Đến ngày 30/6/2017, giải ngân đạt khoảng 1.048,375 tỷ đồng, bằng 34% kế hoạch vốn năm, trong đó, vốn Chương trình MTQG là 52,703 tỷ đồng (15%), vốn Chương trình mục tiêu là 164,331 tỷ đồng (49%), vốn ODA là 32,472 tỷ đồng (37%), vốn cân đối ngân sách địa phương là 798,869 tỷ đồng (33%), trong đó: vốn quỹ đất 132,253 tỷ đồng (33%).

Trong 6 tháng đầu năm, việc triển khai thực hiện và giải ngân kế hoạch vốn đầu tư phát triển của tỉnh chủ yếu tập trung ở các dự án chuyển tiếp thuộc nguồn vốn Chương trình mục tiêu ngân sách Trung ương, vốn ngân sách địa phương. Giá trị giải ngân 6 tháng đạt thấp, với các nguyên nhân chủ yếu: (1) Vốn chương trình MTQG Trung ương giao vốn vào tháng 4/2017¹; (2) Các dự án chuyển tiếp, công tác nghiệm thu, lên phiếu giá chậm; một số dự án vướng mắc trong công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng; (3) Các dự án mới vướng mắc chủ yếu là về cơ chế giải ngân khi phải có quyết định đầu tư trước ngày 31/10 năm trước năm kế hoạch, đồng thời trong những tháng đầu năm các dự án khởi công mới phải triển khai các thủ tục: phê duyệt thiết kế, dự toán; phê duyệt kế hoạch đấu thầu và lựa chọn nhà thầu; phê duyệt phương án bồi thường nên chưa có khối lượng để giải ngân.

UBND tỉnh đã ban hành nhiều văn bản chỉ đạo, đôn đốc² các ngành, các địa phương tập trung đẩy nhanh tiến độ thực hiện; ước đến cuối năm 2017, các nguồn vốn này giải ngân 3.011,581 tỷ đồng, đạt 95% kế hoạch vốn; cụ thể:

Vốn Chương trình MTQG là 298,478 tỷ đồng (83%), vốn Chương trình mục tiêu là 334,54 tỷ đồng (100%), vốn ODA là 88,593 tỷ đồng (100%), vốn cân đối ngân sách địa phương là 2.289,97 tỷ đồng (96%), trong đó: vốn quỹ đất 500 tỷ đồng (91%).

(Chi tiết theo Phụ lục 1 đến Phụ lục 4 kèm theo)

II. Tình hình huy động các nguồn vốn từ các thành phần kinh tế khác phục vụ cho đầu tư phát triển

Tổng vốn đầu tư toàn xã hội trong 6 tháng đầu năm 2017 thực hiện đạt 8.920 tỷ đồng, bằng 42,5% kế hoạch. Trong đó, vốn ngoài nhà nước là 5.073 tỷ đồng (gồm vốn của các tổ chức, doanh nghiệp ngoài nhà nước là 2.603 tỷ đồng, vốn dân cư là 2.470 tỷ đồng) và vốn đầu tư trực tiếp của nước ngoài là 440 tỷ đồng.

Tỉnh đã chỉ đạo rà soát, bổ sung và công bố danh mục các dự án kêu

¹ Chương trình MTQG: Bộ Kế hoạch và Đầu tư giao tại Quyết định số 556/QĐ-BKHĐT ngày 19/4/2017;

² (1) Công văn số 2431/UBND-TH ngày 27/4/2017; (2) Công văn số 3096/UBND-TH ngày 26/5/2017; (3) Công văn số 3784/UBND-TH ngày 23/6/2017; (4) Công văn số 3953/UBND-TH ngày 30/6/2017;

gọi đầu tư bằng hình thức PPP tại Công văn số 2736/UBND-TH ngày 11/5/2017 của UBND tỉnh Quảng Ngãi. Hiện nay, dự án Công viên Thiên Bút đã bắt đầu triển khai thực hiện trên địa bàn thành phố Quảng Ngãi, dự án đường Võ Trung Thành của huyện Đức Phổ, dự án Đường giao thông Lý Sơn, đồng thời trên địa bàn huyện Mộ Đức cũng đang triển khai thủ tục cho 02 dự án là đường Đức Tân - QL 24 và hạ tầng Cụm công nghiệp phía Tây thị trấn Mộ Đức.

III. Các kết quả đạt được, các khó khăn, vướng mắc

Tuy tình hình giải ngân kế hoạch vốn trong 6 tháng đầu năm 2017 đạt thấp (34%) nhưng tiến độ thực hiện các dự án chuyển tiếp, nhất là các dự án lớn như cầu Thạch Bích, Cảng Bến Đình (vượt tiến độ đề ra), Bệnh viện Sản Nhi (dự kiến đưa vào hoạt động trong tháng 9/2017), hạ tầng huyện Sơn Tịnh mới, hạ tầng KKT Dung Quất được tỉnh tập trung chỉ đạo và đẩy nhanh tiến độ để sớm hoàn thành đưa vào sử dụng. Đến nay, có 22/40 dự án mở mới đã hoàn chỉnh thủ tục và triển khai thi công; bên cạnh đó, có 03 dự án lớn như: cầu Cửa Đại, cầu An Phú, Đập ngăn mặn sông Trà Bông... tỉnh cũng tập trung chỉ đạo để sớm khởi công, chậm nhất là trong tháng 9/2017 sẽ tổ chức khởi công. Công tác bồi thường giải phóng mặt bằng cũng có nhiều chuyển biến tích cực, số dự án chậm do vướng mặt bằng giảm hơn các năm trước, tuy nhiên việc thực hiện Luật Đầu tư công và các Nghị định hướng dẫn mới triển khai còn nhiều lúng túng, do vậy vướng mắc trong thủ tục đầu tư tăng lên.

Đến cuối năm 2017, dự kiến hoàn thành đưa vào sử dụng 49 công trình, dự án (chưa kể các dự án nhỏ thuộc chương trình mục tiêu quốc gia). Trong đó:

- Từ nguồn vốn cân đối ngân sách địa phương: 42 công trình.
- Từ nguồn vốn Chương trình mục tiêu ngân sách trung ương: 07 công trình.

Đối với các dự án có khả năng giải ngân không hết kế hoạch vốn trong năm 2017 do vướng mắc trong thủ tục đầu tư, vướng mắc công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng, tỉnh sẽ thực hiện các thủ tục kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2018 đảm bảo theo Luật Đầu tư công và Nghị định số 77/2015/NĐ-CP để triển khai thực hiện và phân đấu giải ngân 100% kế hoạch vào đầu năm 2018.

IV. Các giải pháp, kiến nghị để tiếp tục triển khai kế hoạch trong các tháng cuối năm 2017

Tiếp tục bám sát vào các Quyết định của Thủ tướng, của Bộ, ngành Trung ương về giao kế hoạch vốn trong năm 2017; Nghị quyết số 70/NQ-CP ngày 03/8/2017 của Chính phủ về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu đẩy nhanh tiến độ thực hiện và giải ngân kế hoạch vốn đầu tư công; Công điện số 5525/CD-BKHĐT ngày 07/7/2017 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; Nghị quyết số 33/2016/NQ-HĐND ngày 14/12/2016 của HĐND tỉnh khóa XII, kỳ họp

lần thứ 4 về kế hoạch đầu tư phát triển năm 2017, trong đó tập trung vào một số nhiệm vụ chủ yếu sau:

1. Các đơn vị được giao nhiệm vụ chủ đầu tư tập trung đẩy nhanh tiến độ thực hiện dự án, chủ động tháo gỡ vướng mắc trong công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng, các chủ đầu tư phải định kỳ trực báo hàng tháng, hàng quý, kiểm tra hiện trường, đôn đốc các đơn vị thi công đẩy nhanh tiến độ thực hiện; khẩn trương nghiệm thu lên phiếu giá để giải ngân ngay khi có khối lượng hoàn thành, phấn đấu đến 31/01/2018 giải ngân hoàn thành 100% kế hoạch vốn được giao. đồng thời giải ngân dứt điểm kế hoạch vốn năm 2016 được kéo dài qua năm 2017. Khẩn trương hoàn chỉnh thủ tục và khởi công các dự án khởi công mới năm 2017, chậm nhất là trong tháng 9/2017. Các dự án giao thông và thủy lợi tính toán điểm dừng kỹ thuật hợp lý để đảm bảo an toàn cho công trình trong mùa mưa lũ.

Đối với 2 Chương trình mục tiêu quốc gia, tăng cường công tác kiểm tra, đôn đốc, hướng dẫn các đơn vị thực hiện kế hoạch. Các chủ đầu tư khẩn trương đẩy nhanh tiến độ thực hiện và giải ngân kế hoạch vốn.

2. Tăng cường vai trò trách nhiệm của các chủ đầu tư trong thực hiện quản lý các dự án đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước, thực hiện tốt công tác giám sát, đánh giá đầu tư theo Thông tư số 22/2015/TT-BKHĐT ngày 18/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; tăng cường công tác quản lý chất lượng công trình theo Thông tư số 26/2016/TT-BXD ngày 26/10/2016.

3. Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Kho bạc Nhà nước Quảng Ngãi tổ chức trực báo, đôn đốc các đơn vị thực hiện và giải ngân kế hoạch vốn; thành lập Đoàn công tác để kiểm tra, đồng thời, rà soát, tổng hợp tham mưu UBND tỉnh điều chỉnh kế hoạch vốn ngân sách địa phương năm 2017 (lần 1 vào đầu tháng 7, lần 2 vào đầu tháng 10 năm 2017), trình Trung ương điều chỉnh các nguồn vốn Chương trình mục tiêu (nếu có) nhằm đảm bảo giải ngân hết kế hoạch vốn năm 2017; tham mưu UBND tỉnh tổ chức họp đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch vốn, tiến độ giải ngân hàng quý. Kho bạc Nhà nước Quảng Ngãi đôn đốc các chủ đầu tư thu hồi tạm ứng theo đúng quy định.

4. Sử dụng có hiệu quả dự phòng ngân sách, chỉ đầu tư các dự án khẩn cấp để phục vụ an sinh xã hội và quốc phòng, an ninh.

5. Các địa phương tiếp tục vận động, kêu gọi các nhà đầu tư tham gia đầu tư xây dựng hạ tầng bằng hình thức PPP, đẩy nhanh tiến độ và tiếp tục kêu gọi các dự án quỹ đất.

B. LẬP KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2018

I. Các căn cứ và nguyên tắc xây dựng kế hoạch 2018

1. Về căn cứ lập kế hoạch

- Luật Đầu tư công ngày 18/6/2014;
- Chỉ thị số 29/CT-TTg ngày 05/7/2017 của Thủ tướng Chính phủ về xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2018;
- Quyết định số 572/QĐ-BKHĐT ngày 20/4/2017 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc giao chi tiết kế hoạch đầu tư trung hạn vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2016-2020;
- Công văn số 5598/BKHĐT-TH ngày 10/7/2017 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc lập kế hoạch đầu tư công năm 2018;
- Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 đã được thông qua tại Quyết định số: 684^a/QĐ-UBND ngày 16/12/2016, 528/QĐ-UBND ngày 28/7/2017 của UBND tỉnh Quảng Ngãi;
- Nhu cầu và khả năng huy động vốn đầu tư phát triển năm 2018 của tỉnh.

2. Về nguyên tắc

- Tuân thủ các quy định của Luật Đầu tư công, các Nghị định hướng dẫn thi hành Luật Đầu tư công và các Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ.
- Theo nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2016-2020.
- Phù hợp với kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2016-2020.
- Đảm bảo tính cần thiết, hiệu quả và bền vững; hạn chế tình trạng đầu tư dàn trải, nâng cao hiệu quả đầu tư.
- Chỉ bố trí cho các chương trình, dự án đã đưa vào kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020.

II. Dự kiến kế hoạch vốn đầu tư công năm 2018: (Phụ lục 5)

Căn cứ kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020; khả năng thực hiện và giải ngân của từng dự án năm 2017; nhu cầu đầu tư phát triển năm 2018, UBND tỉnh Quảng Ngãi dự kiến kế hoạch đầu tư công năm 2018 là **5.267,196 tỷ đồng**; trong đó, vốn từ ngân sách trung ương là **2.515,425 tỷ đồng**, vốn cân đối ngân sách địa phương là **2.751,771 tỷ đồng**.

1. Dự kiến kế hoạch năm 2018 vốn ngân sách Trung ương (2.515,425 tỷ đồng)

a) Chương trình mục tiêu Quốc gia: (Phụ lục 9)

Dự kiến kế hoạch năm 2018 là **475,393 tỷ đồng**, trong đó:

(1) Chương trình xây dựng nông thôn mới: Kế hoạch vốn trung hạn của chương trình là 898,200 tỷ đồng, đã bố trí đến hết năm 2017 là 169,200 tỷ đồng, còn lại 729,000 tỷ đồng; dự kiến kế hoạch vốn năm 2018 là **240,000**

tỷ đồng, trong đó bố trí 70,911 tỷ đồng cho 137 dự án chuyên tiếp; còn lại 169,089 tỷ đồng để bố trí cho các dự án mới.

(2) Chương trình giảm nghèo bền vững: Kế hoạch vốn trung hạn của chương trình là 1.382,032 tỷ đồng, đã bố trí đến hết năm 2017 là 447,514 tỷ đồng, còn lại 934,518 tỷ đồng; dự kiến nhu cầu vốn năm 2018 là **235,393 tỷ đồng**, trong đó bố trí trả nợ 1,635 tỷ đồng cho 03 dự án; bố trí 86,802 tỷ đồng cho 114 dự án chuyên tiếp và 146,956 tỷ đồng cho 150 dự án khởi công mới.

b) Chương trình mục tiêu từ ngân sách Trung ương: (Phụ lục 6)

Dự kiến kế hoạch năm 2018 là **701,312 tỷ đồng**, trong đó: hoàn trả vốn ứng trước là 51,312 tỷ đồng cho 04 danh mục đã ứng, còn lại 650 tỷ đồng phân bổ cho 09 Chương trình đang triển khai thực hiện, cụ thể:

(1) Chương trình Phát triển kinh tế xã hội vùng:

- Tổng kế hoạch trung hạn của chương trình là 752,646 tỷ đồng; kế hoạch trung hạn đã giao đến hết năm 2017 là 344,540 tỷ đồng, còn lại 408,106 tỷ đồng.

- Dự kiến kế hoạch năm 2018 khoảng **303,7 tỷ đồng, bố trí cho 11 dự án**. Trong đó:

+ Bố trí 39,7 tỷ đồng cho 04 dự án hoàn thành năm 2017; 214 tỷ đồng cho 04 dự án dự kiến hoàn thành trong năm 2018 và 40 tỷ đồng cho 02 dự án dự kiến hoàn thành sau năm 2018;

+ Đăng ký khởi công mới dự án Trục đường chính trung tâm huyện Lý Sơn với kế hoạch vốn là 10 tỷ đồng.

(2) Chương trình Phát triển kinh tế thủy sản bền vững:

- Tổng kế hoạch trung hạn của chương trình là 237,304 tỷ đồng; kế hoạch trung hạn đã giao đến hết năm 2017 là 95 tỷ đồng, còn lại 142,304 tỷ đồng.

- Dự kiến kế hoạch năm 2018 khoảng **90 tỷ đồng, cho 02 dự án**. Trong đó:

+ Bố trí thực hiện 01 dự kiến hoàn thành sau năm 2018 với kế hoạch vốn là 80 tỷ đồng;

+ Đăng ký khởi công mới dự án Khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá kết hợp cảng cá Cổ Lũy, thành phố Quảng Ngãi (giai đoạn 1) với kế hoạch vốn là 10 tỷ đồng.

(3) Chương trình Phát triển lâm nghiệp bền vững:

- Tổng kế hoạch trung hạn của chương trình là 25 tỷ đồng; kế hoạch trung hạn đã giao đến hết năm 2017 là 7 tỷ đồng, còn lại 18 tỷ đồng.

- Dự kiến kế hoạch năm 2018 khoảng **09 tỷ đồng**, tiếp tục bố trí để thực

hiện dự án chuyên tiếp là Nâng cao Năng lực phòng cháy, chữa cháy rừng tỉnh Quảng Ngãi, giai đoạn 2016-2020.

(4). Chương trình tái cơ cấu ngành nông nghiệp, phòng chống giảm nhẹ thiên tai, ổn định đời sống nhân dân:

- Tổng kế hoạch trung hạn của chương trình là 132 tỷ đồng; kế hoạch trung hạn đã giao đến hết năm 2017 là 22 tỷ đồng, còn lại 110 tỷ đồng.

- Dự kiến kế hoạch năm 2018 khoảng **80 tỷ đồng** thực hiện chuyên tiếp 02 dự án: Đề Phổ Minh và các tuyến đê huyện Bình Sơn: Đập ngăn mặn sông Trà Bồng.

(5). Chương trình Đầu tư hạ tầng KKT ven biển, KCN, Cụm Công nghiệp (hạ tầng Khu kinh tế Dung Quất):

- Tổng kế hoạch trung hạn của chương trình là 550,536 tỷ đồng; kế hoạch trung hạn đã giao đến hết năm 2017 là 340 tỷ đồng, còn lại 210,536 tỷ đồng.

- Dự kiến kế hoạch năm 2018 khoảng **103,7 tỷ đồng, cho 04 dự án.**
Trong đó:

+ Bố trí 01 tỷ đồng cho 01 dự án hoàn thành năm 2017; 82,7 tỷ đồng 02 dự án chuyên tiếp (trong đó 01 dự án dự kiến thực hiện hoàn thành trong năm 2018 và 01 dự án dự kiến hoàn thành sau năm 2018).

+ Đăng ký khởi công mới dự án Tuyến đường trục liên cảng Dung Quất 1 với kế hoạch vốn là 20 tỷ đồng.

(6). Chương trình phát triển hạ tầng du lịch:

- Tổng kế hoạch trung hạn của chương trình là 63,980 tỷ đồng; kế hoạch trung hạn đã giao đến hết năm 2017 là 16,499 tỷ đồng, còn lại 47,481 tỷ đồng.

- Dự kiến kế hoạch năm 2017 khoảng **15,6 tỷ đồng** để thực hiện chuyên tiếp dự án Cơ sở hạ tầng Khu du lịch Mỹ Khê.

(7). Chương trình An ninh trên địa bàn trọng điểm:

- Tổng kế hoạch trung hạn của chương trình là 20 tỷ đồng; kế hoạch trung hạn đã giao đến hết năm 2017 là 08 tỷ đồng, còn lại 12 tỷ đồng.

- Dự kiến kế hoạch năm 2018 khoảng **04 tỷ đồng**, tiếp tục bố trí để thực hiện dự án chuyên tiếp là Rà phá bom mìn, vật nổ còn sót lại sau chiến tranh trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2010 - 2015.

(8). Chương trình Biển Đông hải đảo:

- Tổng kế hoạch trung hạn của chương trình là 253,592 tỷ đồng; kế hoạch trung hạn đã giao đến hết năm 2017 là 113 tỷ đồng, còn lại 140,592 tỷ đồng.

- Dự kiến kế hoạch năm 2018 khoảng **40 tỷ đồng**, tiếp tục bố trí để thực hiện dự án chuyển tiếp là Đường cơ động phía Đông Nam Đảo Lý Sơn (giai đoạn 3).

(9). Chương trình cấp điện nông thôn, miền núi và hải đảo

- Tổng kế hoạch trung hạn của chương trình là 67 tỷ đồng; kế hoạch trung hạn đã giao đến hết năm 2017 là 33 tỷ đồng, còn lại 34 tỷ đồng.

- Dự kiến kế hoạch năm 2018 khoảng **24 tỷ đồng**, tiếp tục bố trí để thực hiện chuyển tiếp là dự án Cấp điện nông thôn tỉnh Quảng Ngãi, giai đoạn 2013-2020.

c) Vốn ODA: (Phụ lục 8)

Trên cơ sở kế hoạch vốn trung hạn được trung ương giao, tiến độ thực hiện của các dự án, dự kiến nhu cầu kế hoạch năm 2018 là **680 tỷ đồng**, cho 16 dự án, trong đó có 09 dự án có trong kế hoạch trung hạn, với số vốn là **180 tỷ đồng**; 07 dự án chưa được trung ương giao vốn trung hạn với số tiền là **500 tỷ đồng**.

d) Vốn trái phiếu Chính phủ: (Phụ lục 7)

Kế hoạch vốn trung hạn là 1.595 tỷ đồng (trong đó: phân bổ chi tiết là 1.435,5 tỷ đồng và dự phòng 10% là 159,5 tỷ đồng.); dự kiến kế hoạch năm 2018 là **597,07 tỷ đồng**, bố trí cho 01 dự án chuyển tiếp là: Cầu Cửa Đại 550 tỷ đồng và Chương trình kiên cố hóa trường lớp học 47,070 tỷ đồng.

đ) Hỗ trợ nhà ở cho người có công theo Quyết định 22/2013/QĐ-TTg: Kế hoạch vốn trung hạn là 61,650 tỷ đồng, dự kiến bố trí thực hiện trong năm 2018 là **61,650 tỷ đồng** để hỗ trợ nhà ở cho người có công.

2. Nguồn vốn đầu tư phát triển trong cân đối ngân sách địa phương⁽³⁾

Kế hoạch năm 2018 là **2.751,771 tỷ đồng**, bao gồm vốn cân đối ngân sách địa phương là 2.251,771 tỷ đồng, vốn quỹ đất là 500 tỷ đồng; trong đó:

a) Vốn cân đối ngân sách địa phương (bao gồm vốn xổ số kiến thiết):

Trên cơ sở kế hoạch trung hạn được Bộ Kế hoạch và Đầu tư giao, kế hoạch vốn cân đối ngân sách địa phương năm 2018 của tỉnh Quảng Ngãi là **2.251,771 tỷ đồng** (vốn xổ số kiến thiết 70 tỷ đồng), dự kiến cân đối như sau:

- Phân cấp cho các huyện, thành phố là 353 tỷ đồng;
- Bố trí hoàn trả các khoản ứng trước là 305,171 tỷ đồng;
- Bố trí các dự án hoàn thành năm 2017 là 149,2 tỷ đồng;
- Bố trí trả nợ dự án quyết toán là 10 tỷ đồng;

⁽³⁾ Nguồn vốn này tỉnh sẽ lập danh mục chi tiết và trình HĐND tỉnh thông qua theo đúng quy định.

- Bố trí vốn đối ứng các dự án ODA là 90 tỷ đồng;
- Chuẩn bị đầu tư là 05 tỷ đồng;
- Bố trí hỗ trợ các dự án PPP: 70 tỷ đồng;
- Bố trí Chương trình xây dựng nông thôn mới: 215 tỷ đồng (*trong đó có 15 tỷ đồng thực hiện Chương trình nước sạch VSMTNT*);
- Bố trí thực hiện chương trình ATK: 10 tỷ đồng;
- Bố trí thực hiện dự án là 1.044,4 tỷ đồng, trong đó:
 - + Bố trí cho các dự án hoàn thành, chuyển tiếp vốn NSDP là 736,4 tỷ đồng.
 - + Còn lại bố trí khởi công mới là 308 tỷ đồng.

b) Vốn từ nguồn thu sử dụng đất:

Dự kiến kế hoạch vốn đầu tư phát triển từ nguồn thu sử dụng đất năm 2018 của tỉnh là **500 tỷ đồng**.

C. MỘT SỐ GIẢI PHÁP THỰC HIỆN KẾ HOẠCH NĂM 2018

1. Thực hiện đa dạng hóa đầu tư; tiếp tục đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, tạo môi trường đầu tư thông thoáng; xây dựng các cơ chế, chính sách hấp dẫn và đẩy mạnh công tác xúc tiến đầu tư; tạo điều kiện thuận lợi để thu hút các dự án đầu tư trực tiếp nước ngoài và các thành phần kinh tế đầu tư vào tỉnh; đồng thời, khuyến khích các dự án đang hoạt động đầu tư mở rộng sản xuất, kinh doanh.

2. Ngoài nguồn vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước; khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư theo hình thức PPP để thu hút mạnh vốn vào phát triển kết cấu hạ tầng; đồng thời, thực hiện lồng ghép các chương trình mục tiêu và chương trình quốc gia trên từng địa bàn, ưu tiên vốn của các chương trình này cho các vùng khó khăn, vùng đồng bào các dân tộc, vùng căn cứ cách mạng.

3. Tập trung tháo gỡ những vướng mắc trong thủ tục đầu tư dự án, vướng mắc trong công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng nhằm đảm bảo đủ điều kiện triển khai thực hiện dự án đã được giao kế hoạch vốn.

4. Trục báo thường xuyên, kiểm tra, đôn đốc đẩy nhanh tiến độ các dự án chuyển tiếp được giao kế hoạch vốn, đối với các dự án mới phải đảm bảo đủ thủ tục khởi công khi được giao kế hoạch vốn nhằm đẩy nhanh tiến độ thực hiện và giải ngân kế hoạch vốn.

5. Đổi mới công tác lập, theo dõi, đánh giá và thực hiện kế hoạch đầu tư công nhằm nâng cao hiệu quả công tác quản lý đầu tư công trung hạn và hằng năm, yêu cầu các đơn vị được có liên quan cập nhật thông tin của từng dự án lên Hệ thống thông tin trực tuyến để sử dụng, theo dõi.

6. Triệt để tiết kiệm chi tiêu thường xuyên để tăng vốn cho đầu tư phát

triển. Thực hiện tốt công tác quản lý đầu tư và xây dựng, nâng cao hiệu quả đầu tư từ nguồn ngân sách nhà nước.

7. Rà soát, điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 của tỉnh theo hướng loại bỏ các dự án đầu tư kém hiệu quả, đình hoãn, dẫn tiến độ các dự án không còn tính cấp bách, tập trung vốn và bổ sung các dự án trọng điểm, dự án cấp bách phát sinh theo yêu cầu thực hiện để sớm phát huy hiệu quả sử dụng vốn, góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế - xã hội.

8. Chủ động tổ chức kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện kế hoạch được giao, nâng cao chất lượng giám sát, đánh giá đầu tư. Tiếp tục chỉ đạo hoàn thiện các Ban quản lý dự án tỉnh và các huyện phải tập trung củng cố các ban quản lý dự án đủ và đúng năng lực theo quy định để đảm bảo thực hiện, quản lý các dự án được giao.

D. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

1. Về kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 vốn ngân sách địa phương

Căn cứ theo kế hoạch dự kiến phân bổ vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 tại Công văn số 8836/BKHĐT-TH ngày 24/10/2016 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, UBND tỉnh đã trình và được HĐND tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 32/2016/NQ-HĐND ngày 14/12/2016 về kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020, trong đó, nguồn vốn cân đối ngân sách địa phương là **8.590.965 triệu đồng**.

Tuy nhiên, tại Quyết định số 572/QĐ-BKHĐT ngày 20/4/2017 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc giao chi tiết kế hoạch đầu tư trung hạn vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2016-2020, kế hoạch bố trí vốn đầu tư ngân sách cân đối của tỉnh là 7.570.458 triệu đồng, **giảm 1.020.507 triệu đồng** (tương ứng giảm 11,8%) so với dự kiến bố trí tại Công văn số 8836/BKHĐT-TH.

Việc giảm kế hoạch vốn như trên đã gây khó khăn cho tỉnh Quảng Ngãi trong việc thực hiện hoàn thành kế hoạch trung hạn đã được HĐND tỉnh thông qua, ảnh hưởng tới việc phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh trong giai đoạn 2016-2020. Do vậy, kính đề nghị Chính phủ, Bộ Kế hoạch và Đầu tư xem xét giữ nguyên kế hoạch trung hạn nguồn cân đối ngân sách địa phương là **8.590.965 triệu đồng** theo đúng số thông báo tại Công văn số 8836/BKHĐT-TH ngày 24/10/2016 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

2. Bố trí vốn dự án Hợp phần Di dân, tái định cư Hồ chứa nước Nước Trong

Tỉnh Quảng Ngãi đã nhiều lần kiến nghị tại các Văn bản số: 4277/UBND-TH ngày 17/7/2017; 1201/UBND-NNTN ngày 18/3/2016; 41/TTr-UBND ngày 15/4/2015 nhưng chưa được Trung ương giải quyết. Để có điều kiện hoàn trả vốn ứng trước ngân sách tỉnh, sớm hoàn thành dự án, kính đề nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư xem xét bố trí vốn hỗ trợ có mục tiêu từ

ngân sách trung ương hoặc vốn trái phiếu Chính phủ giai đoạn 2017-2020 với số vốn là **283,3 tỷ đồng**.

3. Về bố trí vốn để thu hồi khoản tạm ứng cho tỉnh Quảng Ngãi 185 tỷ đồng (50% số thuế tiêu thụ đặc biệt của Nhà máy lọc hóa dầu Dung Quất năm 2009)

Tỉnh Quảng Ngãi đã kiến nghị tại Báo cáo số 126/BC-UBND ngày 21/6/2017; đề thu hồi các khoản ứng trước theo đúng Nghị quyết số 62/NQ-CP ngày 07/9/2015 của Chính phủ, sớm hoàn ứng các khoản ứng trước từ vốn ngân sách Trung ương của tỉnh Quảng Ngãi, kính đề nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính bố trí vốn để thu hồi khoản tạm ứng cho tỉnh là 185 tỷ đồng (50% số thuế tiêu thụ đặc biệt của Nhà máy lọc hóa dầu Dung Quất năm 2009).

4. Đề nghị bổ sung kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 nguồn vốn ngân sách Trung ương để thực hiện một số dự án cấp bách trên địa bàn huyện đảo Lý Sơn

Căn cứ Quyết định số 1995/QĐ-TTg ngày 04/11/2014 của Thủ tướng Chính phủ về một số cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển huyện đảo Lý Sơn, tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2015-2020;

Nhằm tạo điều kiện cho tỉnh có kinh phí đầu tư phát triển huyện đảo Lý Sơn, kính đề nghị Thủ tướng Chính phủ xem xét, bổ sung kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 nguồn vốn ngân sách Trung ương cho tỉnh Quảng Ngãi là **300 tỷ đồng** để triển khai thực hiện các Dự án: (1) Các tuyến đê biển huyện đảo Lý Sơn; (2) Hệ thống thu giữ nước mưa phục vụ sinh hoạt và sản xuất nông nghiệp đảo Lý Sơn, tỉnh Quảng Ngãi.

5. Đề nghị bổ sung kế hoạch vốn trung hạn cho các dự án sử dụng vốn ODA của tỉnh Quảng Ngãi là 574,247 tỷ đồng, trong đó:

(1) Dự án Giảm nghèo khu vực Tây Nguyên – tỉnh Quảng Ngãi

Theo Hiệp định được ký kết, Dự án có tổng mức đầu tư là 337,818 tỷ đồng, trong đó vốn ODA là 319,341 tỷ đồng. Giải ngân vốn ODA đến 31/12/2015 là năm 2015 là 15,898 tỷ đồng, số vốn còn lại để hoàn thành dự án trong giai đoạn 2016-2020 là 303,443 tỷ đồng.

Theo Quyết định số 572/QĐ-BKHĐT ngày 20/4/2017 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư, kế hoạch vốn ODA giai đoạn 2016-2020 của tỉnh là 514,250 tỷ đồng, trong đó Dự án Giảm nghèo khu vực Tây Nguyên – tỉnh Quảng Ngãi là **209,196 tỷ đồng**.

Nhằm tạo điều kiện cho tỉnh có kinh phí triển khai hoàn thành dự án vào năm 2019, kính đề nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính quan tâm bổ sung kế hoạch trung hạn 2016-2020 vốn ODA cho tỉnh là **94,247 tỷ đồng**.

(2) Dự án Khắc phục khẩn cấp hậu quả thiên tai tại một số tỉnh miền Trung – tỉnh Quảng Ngãi: Tổng mức đầu tư là 437 tỷ đồng, trong đó vốn

ODA là 360 tỷ đồng. Kính đề nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính quan tâm sớm giao kế hoạch trung hạn 2016-2020 vốn ODA cho tỉnh là **360 tỷ đồng**.

(3) Dự án Xây dựng tuyến đê biển nhằm ứng phó với biến đổi khí hậu tại khu vực thôn Thạnh Đức, xã Phổ Thạnh, huyện Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi: Tổng mức đầu tư là 169,8 tỷ đồng, trong đó vốn ODA là 120 tỷ đồng. Kính đề nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính quan tâm sớm giao kế hoạch trung hạn 2016-2020 vốn ODA cho tỉnh là **120 tỷ đồng**.

UBND tỉnh Quảng Ngãi kính báo cáo./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Bộ Tài chính;
- TT Tỉnh ủy;
- TT HĐND tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính;
- VPUB: CVP, PCVP, các P.N/cứu, CB-TH;
- Lưu: VT, TH (Vũ 312).



Trần Ngọc Căng

BẢNG PHỤ LỤC KÈM THEO
 (Kèm theo Quyết định số 183/BC-UBND ngày 18/8/2017 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Quảng Ngãi)
 ★ Báo cáo tình hình thực hiện 2017

STT	Phụ lục số	Nội dung	Ghi chú
		★ Báo cáo tình hình thực hiện 2017	
1	Phụ lục 1	TỔNG HỢP TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NĂM 2017	
2	Phụ lục 2	CHI TIẾT TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ NĂM 2017 VỐN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU TỪ NSTW	
3	Phụ lục 3	CHI TIẾT TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NƯỚC NGOÀI (VỐN VAY ODA VÀ VỐN VAY ƯU ĐÃI CỦA CÁC NHÀ TÀI TRỢ NƯỚC NGOÀI)	
4	Phụ lục 4	TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA NĂM 2017	
		Dự kiến kế hoạch năm 2018	
5	Phụ lục 5	TỔNG HỢP NHU CẦU VÀ DỰ KIẾN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2018	
6	Phụ lục 6	CHI TIẾT DỰ KIẾN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2018 VỐN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU TỪ NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG	
7	Phụ lục 7	CHI TIẾT DỰ KIẾN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2018 VỐN TRÁI PHIẾU CHÍNH PHỦ	
8	Phụ lục 8	CHI TIẾT DỰ KIẾN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NƯỚC NGOÀI (VỐN VAY ODA VÀ VỐN VAY ƯU ĐÃI CỦA CÁC NHÀ TÀI TRỢ NƯỚC NGOÀI ĐƯA VÀO NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG) NĂM 2018	
9	Phụ lục 9	DỰ KIẾN KẾ HOẠCH CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA NĂM 2018	

Phụ lục 2

(Biên bản UBND tỉnh Quảng Ngãi kèm theo Thông tư số 03/2017/TT-BKHĐT)

CHI TIẾT TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ NĂM 2017 VỐN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU TỪ NSTW

(kèm theo Báo cáo số 287/BC-UBND ngày 18/8/2017 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Mã dự án	Quyết định đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh đã được TTg giao kế hoạch các năm		Năm 2017					Ghi chú	
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Kế hoạch		Khối lượng thực hiện từ 1/1/2017 đến 31/12/2017	Ước giải ngân từ 1/1/2017 đến 31/01/2018		
				Tổng số	Trong đó: NSTW	Tổng số	Trong đó: vốn NSTW		Tổng số		Trong đó: vốn NSTW
	Tổng số			5.257.545	3.697.302	416.540	334.540	416.540	416.540	334.540	
I	Chương trình mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội các vùng			1.480.752	1.021.941	224.540	144.540	224.540	224.540	144.540	
(1)	Dự án dự kiến hoàn thành năm 2017			1.100.313	711.502	149.258	98.258	149.258	149.258	98.258	
	Dự án nhóm C										
1	Đường Trung tâm huyện Sơn Tây	7482140	1604/QĐ-UBND 30/10/2014	67.079	35.000	18.258	10.258	18.258	18.258	10.258	
2	Đường Lê Văn Sỹ giai đoạn I	7071128	1608/QĐ-UBND 30/10/2014	49.482	39.000	10.000	10.000	10.000	10.000	10.000	
	Dự án nhóm B										
3	Tiêu úng, thoát lũ, chống sạt lở vùng hạ lưu sông Thoá	7139043	527/QĐ-UBND, 31/3/2009	338.000	270.000	3.000	3.000	3.000	3.000	3.000	
4	Nâng cấp tuyến đường Côn An Vĩnh-Ra đa tầm xa huyện Lý Sơn	7321373	1606/QĐ-UBND 30/10/2014	148.752	119.002	33.000	15.000	33.000	33.000	15.000	
5	Bệnh viện Sản Nhi tỉnh Quảng Ngãi	7274228	1611/QĐ-UBND, 25/10/2012	497.000	248.500	85.000	60.000	85.000	85.000	60.000	
(2)	Dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2017			380.439	310.439	75.282	46.282	75.282	75.282	46.282	
	Dự án nhóm B										
6	Đường tránh lũ Bình Minh - Bình Khương	7106543	1967/QĐ-UBND, 31/10/2015	80.441	80.441	13.282	13.282	13.282	13.282	13.282	

Phụ lục 3

CHI TIẾT TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH GIẢI NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN NƯỚC NGOÀI (VỐN VAY ODA VÀ VỐN VAY ƯU ĐÃI CỦA CÁC NHÀ TÀI TRỢ NƯỚC NGOÀI (VỐN VAY ODA VÀ VỐN VAY ƯU ĐÃI CỦA CÁC NHÀ TÀI TRỢ NƯỚC NGOÀI) NĂM 2017



Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Mã dự án	Nhà tài trợ	Ngày ký kết hiệp định	Ngày kết thúc Hiệp định	Số quyết định	Kế hoạch năm 2017														Ước giải ngân kế hoạch năm 2017 từ 1/1 năm 2017 đến 31/1 năm 2018					Ghi chú					
							Vốn đối ứng							Vốn nước ngoài (theo Hiệp định)(3)							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)		Vốn đối ứng		Vốn nước ngoài (tính theo tiền Việt)						
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)		Trong đó: vốn NSTW		Tinh bằng nguyên tệ	Quy đổi ra tiền Việt		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)		Trong đó: vốn NSTW		Tinh bằng nguyên tệ	Quy đổi ra tiền Việt		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW	Tổng số	Trong đó:			Tổng số	Trong đó: vốn NSTW	Tổng số	Trong đó:	
							Tổng số	Trong đó: vốn NSTW	Tinh bằng nguyên tệ	Quy đổi ra tiền Việt		Tổng số	Trong đó: vốn NSTW	Tinh bằng nguyên tệ	Quy đổi ra tiền Việt		Tổng số		Trong đó: vốn NSTW	Tổng số				Đưa vào cân đối NSTW	Vay lại					Tổng số	Trong đó: vốn NSTW
										Tổng số	Trong đó: vốn NSTW				Tổng số	Đưa vào cân đối NSTW		Vay lại			Tổng số	Đưa vào cân đối NSTW	Vay lại				Tổng số	Đưa vào cân đối NSTW	Vay lại		
1	TỔNG SỐ						337.818	18.477	-	-	319.341	319.341	-	93.593	5.000	-	88.593	88.593	-	93.593	5.000	-	88.593	88.593	-						
A	VỐN NƯỚC NGOÀI KHÔNG GIẢI NGÂN THEO CƠ CHẾ TÀI CHÍNH TRONG NƯỚC						337.818	18.477	-	-	319.341	319.341	-	93.593	5.000	-	88.593	88.593	-	93.593	5.000	-	88.593	88.593	-						
I	Nghành nông nghiệp, giảm nghèo						337.818	18.477	-	-	319.341	319.341	-	93.593	5.000	-	88.593	88.593	-	93.593	5.000	-	88.593	88.593	-						
	Danh mục dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2018						337.818	18.477	-	-	319.341	319.341	-	93.593	5.000	-	88.593	88.593	-	93.593	5.000	-	88.593	88.593	-						
b	Dự án nhóm B						337.818	18.477	-	-	319.341	319.341	-	93.593	5.000	-	88.593	88.593	-	93.593	5.000	-	88.593	88.593	-						
(1)	Giảm nghèo bền vững khu vực Tây Nguyên - tỉnh Quảng Ngãi	7394765	WB	24/4/2014	30/6/2019	1534/QĐ-UBND ngày 23/10/2013	337.818	18.477	-	15.206 triệu USD	319.341	319.341	-	93.593	5.000	-	88.593	88.593	-	93.593	5.000	-	88.593	88.593	-						

Phụ lục 4

Thực hiện kèm theo Thông tư số 03/2017/TT-BKHĐT
TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA NĂM 2017
 (kèm theo Báo cáo sơ bộ UBND ngày 18/8/2017 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)



Đơn vị: Triệu đồng

TT	Chương trình	Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2011-2020										Kế hoạch năm 2017										Giải ngân kế hoạch năm 2017 đến hết ngày 31/01 năm 2018										
		Trong đó:										Trong đó:										Trong đó:										
		NSNN										NSNN										NSNN										
		NSTW					NSDP					NSTW					NSDP					NSTW					NSDP					
		ĐTPT		SN			ĐTPT		SN			ĐTPT		SN			ĐTPT		SN			ĐTPT		SN			ĐTPT		SN			
Trong nước		Ngoài nước	Trong nước	Ngoài nước		Trong nước		Ngoài nước	Tin dụng đầu tư phát triển	Nguồn thu để lại cho đầu tư nhưng chưa đưa vào cân đối NSNN	Các nguồn vốn khác (Vốn TPCP)	Trong nước		Ngoài nước	Trong nước	Ngoài nước		ĐTPT		SN			Tin dụng đầu tư phát triển		Nguồn thu để lại cho đầu tư nhưng chưa đưa vào cân đối NSNN	Các nguồn vốn khác	Trong nước		Ngoài nước	Tin dụng đầu tư phát triển	Nguồn thu để lại cho đầu tư nhưng chưa đưa vào cân đối NSNN	Các nguồn vốn khác
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33
	TỔNG SỐ	3.203.232	2.280.232	-	-	-	825.000	-	-	-	98.000	258.000	359.612	-	-	-	128.000	-	-	-	-	394.478	296.478	-	-	-	96.000	-	-	-		
1	CHƯƠNG TRÌNH MTQG GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG	1.382.032	1.382.032	-	-	-	-	-	-	-	-	-	221.612	-	-	-	-	-	-	-	-	183.938	183.938	-	-	-	-	-	-	-		
	Dự án 1: Chương trình 30a	1.056.032	1.056.032										156.812									130.154	130.154									
	Dự án 2: Chương trình 135	326.000	326.000										64.800									53.784	53.784									
2	CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI	1.821.200	898.200				825.000				98.000	258.000	138.000				128.000				210.540	114.540				96.000						

Phụ lục 5

(Biểu mẫu số 34 Ban hành kèm theo Thông tư số 03/2017/TT-BKHĐT)

TỔNG HỢP NHU CẦU VÀ BÀN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2018

(Kèm theo Báo cáo số 01/BC-UBND ngày 18/8/2017 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch Trung hạn - hàng giai đoạn 2016-2020			Nhu cầu kế hoạch năm 2018			Dự kiến kế hoạch năm 2018			Ghi chú
		Tổng số	Trong nước	Ngoài nước	Tổng số	Trong nước	Ngoài nước	Tổng số	Trong nước	Ngoài nước	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
1	Vốn NSNN	19.532.807	19.018.557	514.250	5.267.196	4.587.196	680.000	5.267.196	4.587.196	680.000	
	Trong đó:										
a)	Vốn đầu tư trong cân đối ngân sách địa phương	12.812.615	12.812.615	-	2.751.771	2.751.771	-	2.751.771	2.751.771	-	
	Bao gồm:										
(1)	- Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức quy định tại QĐ 40/2015/QĐ-TTg	8.640.965	8.640.965		2.181.771	2.181.771		2.181.771	2.181.771		
(2)	- Đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất	3.906.400	3.906.400		500.000	500.000		500.000	500.000		
(3)	- Xổ số kiến thiết	265.250	265.250		70.000	70.000		70.000	70.000		
(4)	- Bội chi ngân sách địa phương										
b)	Vốn ngân sách trung ương	6.720.192	6.205.942	514.250	2.515.425	1.835.425	680.000	2.515.425	1.835.425	680.000	
	Bao gồm:										
(1)	- Vốn Chương trình mục tiêu quốc gia	2.280.232	2.280.232		475.393	475.393	-	475.393	475.393	-	
	+ Nông thôn mới				240.000	240.000		240.000	240.000		
	+ Giảm nghèo bền vững				235.393	235.393		235.393	235.393		
(2)	- Vốn Chương trình mục tiêu	2.942.810	2.428.560	514.250	1.381.312	701.312	680.000	1.381.312	701.312	680.000	KH2018: có 500 tỷ đồng chưa có trong KH trung hạn
(3)	- Vốn trái phiếu Chính phủ	1.435.500	1.435.500		597.070	597.070		597.070	597.070		
	+ Ngành Giao thông	1.350.000	1.350.000		550.000	550.000		550.000	550.000		
	+ Chương trình kiên cố hóa trường lớp học và nhà công vụ giáo viên	85.500	85.500		47.070	47.070		47.070	47.070		
(4)	- Hỗ trợ nhà ở cho người có công theo QĐ 22/2013/QĐ-TTg	61.650	61.650		61.650	61.650		61.650	61.650		



Phụ lục 6

theo kèm theo Thông tư số 03/2017/TT-BKHĐT

CHI TIẾT DỰ KIẾN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NGHỆ 18 VỐN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU TỪ NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG

theo Báo cáo của UBND ngày 18/8/2017 của UBND tỉnh Quảng Ngãi

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Mã dự án	Quyết định đầu tư ban đầu hoặc QP đầu tư điều chỉnh đã được TTg giao kế hoạch các năm						Kế hoạch trung hạn đã giao đến hết năm 2017			Nhu cầu năm 2018			Dự kiến KH 2018			Ghi chú
			TMDT		NSTW				Tổng số	Trong đó: vốn NSTW	Tổng số	Trong đó: NSTW		Tổng số	Trong đó: NSTW			
			Tổng số	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số	Thu hồi các khoản ứng trước NSTW	Thanh toán nợ XDCB				Tổng số	Thu hồi các khoản ứng trước NSTW		Thanh toán nợ XDCB	Tổng số	Thu hồi các khoản ứng trước NSTW	
Tổng số			7.199.933	5.191.373	3.010.560	2.428.560	316.502	48.250	1.356.539	979.039	1.016.575	841.775	51.312	744.312	701.312	51.312		
BỘ TRƯỞNG CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU					316.502	316.502	316.502				51.312	51.312	51.312	51.312	51.312	51.312		
1	Vốn đối ứng các dự án ODA				8.571	8.571	8.571				8.571	8.571	8.571	8.571	8.571	8.571		
2	Kè đường giao thông liên huyện (ĐT 623) dọc sông Rìn thuộc TT Di Lăng, huyện Sơn Hà				5.000	5.000	5.000				5.000	5.000	5.000	5.000	5.000	5.000		
3	Kè chống sạt lở xã An Bình, huyện Lý Sơn				27.741	27.741	27.741				27.741	27.741	27.741	27.741	27.741	27.741		
4	Vùng neo đầu tàu thuyền đảo Lý Sơn giai đoạn 2				10.000	10.000	10.000				10.000	10.000	10.000	10.000	10.000	10.000		
5	Tạm ứng vốn NSTW năm 2009 và năm 2010 để xây dựng CSHT KKT Dung Quất				44.000	44.000	44.000											
6	Ứng trước dự toán NSNN năm 2010, 2011 để xây dựng hạ tầng KKT Dung Quất				40.862	40.862	40.862											
7	Tạm ứng NSTW năm 2009 để đầu tư các dự án trong diện trên địa bàn tỉnh				180.328	180.328	180.328											
BỘ TRƯỞNG CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU			7.199.933	5.191.373	2.694.058	2.112.058		48.250	1.356.539	979.039	965.243	794.463		693.000	650.000			
1	Chương trình mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội các vùng				2.221.347	1.560.238	1.179.646				382.963	335.163		338.700	303.700			
(1)	Dự án hoàn thành năm 2016				97.365	76.319	35.000											
	Dự án nhóm C																	
1	Hồ chứa nước Cây Xoài	206/QĐ-UBND, 29/01/2011	47.466	36.400	8.500	8.500			8.500	8.500								
2	Đường trung tâm huyện - UBND xã An Hải	1607/QĐ-UBND, 30/10/2014	49.899	39.919	26.500	17.500			26.500	17.500								
(2)	Trả nợ Dự án hoàn thành năm 2017		1.100.313	711.502	557.558	266.558			436.258	226.758	87.500	39.700		74.700	39.700			
	Dự án nhóm C																	
3	Đường Trung tâm huyện Sơn Tây	7482/40 1604/QĐ-UBND, 30/10/2014	67.079	35.000	41.258	25.258			39.258	23.258	2.000	2.000		2.000	2.000			
4	Đường Lê Văn Sĩ giai đoạn 1	7071/28 1608/QĐ-UBND, 30/10/2014	49.482	39.000	26.000	26.000			35.000	26.000								
	Dự án nhóm B																	
5	Tiêu ứng, thoát lũ, chống sạt lở vùng hạ lưu sông Thoa	7139/43 527/QĐ-UBND, 31/3/200; 1159/QĐ-UBND, ngày 14/7/2015	338.000	270.000	41.200	30.200			40.500	29.500	8.000	700		700	700			

STT	Danh mục dự án	Mã dự án	Quyết định đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh đã được TTg giao kế hoạch các năm		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016-2020				Kế hoạch trung hạn đã giao đến hết năm 2017		Nhu cầu năm 2018			Dự kiến KH 2018			Chi chú	
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMBT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	NSTW		Tổng số	Trong đó: vốn NSTW	Tổng số	Trong đó: NSTW		Tổng số	Trong đó: NSTW			
				Tổng số	Trong đó: NSTW		Tổng số	Trong đó:				Tổng số	Trong đó:					
								Thu hồi các khoản ứng trước NSTW					Thanh toán nợ XDCB		Thu hồi các khoản ứng trước NSTW	Thanh toán nợ XDCB		
6	Nâng cấp tuyến đường Côn An Vinh-Ra đả tầm xa huyện Lý Sơn	7321373	1606/QĐ-UBND 30/10/2014	148.752	119.002	101.000	75.000			78.000	53.000	23.000	22.000		22.000	22.000		
7	Bệnh viện Sản Nhi tỉnh Quảng Ngãi	7274228	1611/QĐ-UBND, 25/10/2012	497.000	248.500	348.100	110.100			243.500	95.000	54.500	15.000		50.000	15.000		
(3)	Dự án chuyển tiếp hoàn thành năm 2018			527.417	457.417	404.245	327.245	-	-	171.782	91.782	235.463	235.463	-	214.000	214.000	-	-
	Dự án nhóm B																	
8	Đường tránh lũ Bình Minh - Bình Khương	7.106.543	1967g/QĐ-UBND, 31/10/2015	80.441	80.441	72.397	72.397			33.282	33.282	39.115	39.115		39.000	39.000		
9	Đường Ba Bích - Ba Nam	7.553.566	1967h/QĐ-UBND, 31/10/2015	99.998	99.998	83.998	83.998			40.500	40.500	43.498	43.498		43.000	43.000		
10	Cảng Bến Đình	7.246.440	495/QĐ-UBND ngày 31/3/2016	200.000	130.000	167.000	100.000			88.000	18.000	82.000	82.000		82.000	82.000		
11	Nâng cấp, mở rộng đường tỉnh Quảng Ngãi - Chợ Chùa		2088/QĐ-UBND ngày 31/10/2016	146.978	146.978	80.850	70.850			10.000		70.850	70.850		50.000	50.000		
(4)	Dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2018			270.000	125.000	165.000	115.000	-	-	20.000	-	50.000	50.000	-	40.000	40.000	-	-
	Dự án nhóm B																	
12	Các tuyến đê biển huyện Lý Sơn (giai đoạn 1)		1110/QĐ-UBND ngày 14/6/2017	150.000	75.000	85.000	75.000			10.000		30.000	30.000		20.000	20.000		
13	Đường Ba Trơ - Ba Trang - Ba Khảm (đoạn Ba Trang - Ba Khảm)		2064/QĐ-UBND ngày 26/10/2016	120.000	50.000	80.000	40.000			10.000		20.000	20.000		20.000	20.000		
(5)	Dự án khởi công mới năm 2018			130.000	130.000	10.000	10.000	-	-	-	-	10.000	10.000	-	10.000	10.000	-	-
	Dự án nhóm B																	
14	Trục đường chính trung tâm huyện Lý Sơn		1825/QĐ-UBND ngày 07/10/2016	130.000	130.000	10.000	10.000			-	-	10.000	10.000		10.000	10.000		
(6)	Dự án khởi công mới năm 2019			96.252	60.000	7.843	7.843	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	Dự án nhóm B																	
15	Hồ chứa nước Suối Đà		2061/QĐ-UBND ngày 28/10/2016	96.252	60.000	7.843	7.843			-	-	-	-		-	-		
II	Chương trình mục tiêu phát triển kinh tế thủy sản biển vùng			559.097	512.147	237.304	237.304	-	46.000	95.000	95.000	130.000	130.000	-	90.000	90.000	-	-
(1)	Dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2018			401.097	400.147	227.304	227.304	-	46.000	95.000	95.000	80.000	80.000	-	80.000	80.000	-	-
	Dự án nhóm B																	
16	Vùng neo đậu tàu thuyền đảo Lý Sơn (giai đoạn II)	7.267.886	1476/QĐ-UBND, 27/10/2010	401.097	400.147	227.304	227.304		46.000	95.000	95.000	80.000	80.000		80.000	80.000		
(2)	Dự án khởi công mới năm 2018			158.000	112.000	10.000	10.000	-	-	-	-	50.000	50.000	-	10.000	10.000	-	-
	Dự án nhóm B																	
17	Khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá kết hợp cảng cá Cổ Lý, thành phố Quảng Ngãi (giai đoạn 1)		1877/QĐ-UBND ngày 10/10/2016	158.000	112.000	10.000	10.000			-	-	50.000	50.000		10.000	10.000		
III	Chương trình mục tiêu phát triển lâm nghiệp biển vùng			60.928	45.000	25.000	25.000	-	-	7.000	7.000	18.000	18.000	-	9.000	9.000	-	-

STT	Danh mục dự án	Mã dự án	Quyết định đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh đã được TTg giao kế hoạch các năm		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016-2020				Kế hoạch trung hạn đã giao đến hết năm 2017		Nhu cầu năm 2018			Dự kiến KH 2018			Ghi chú				
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMBT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	NSTW		Tổng số	Trong đó: vốn NSTW	Trong đó: NSTW			Tổng số	Trong đó: NSTW						
				Tổng số	Trong đó: NSTW		Tổng số	Trong đó:			Tổng số	Trong đó:									
								Thu hồi các khoản ứng trước NSTW				Thanh toán nợ XDCB	Tổng số		Thu hồi các khoản ứng trước NSTW	Thanh toán nợ XDCB					
(1)	Dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2018			60.928	45.000	25.000	25.000	-	-	7.000	7.000	18.000	18.000	-	-	9.000	9.000	-	-		
	Dự án nhóm C																				
18	Nâng cao Năng lực phòng cháy, chữa cháy rừng tỉnh Quảng Ngãi, giai đoạn 2016-2020		139/QĐ-UBND, 22/01/2016	60.928	45.000	25.000	25.000	-	-	7.000	7.000	18.000	18.000	-	-	9.000	9.000	-	-		
IV	Chương trình mục tiêu tái cơ cấu kinh tế nông nghiệp và phòng chống giảm nhẹ thiên tai, ổn định đời sống dân cư			271.999	167.799	152.000	132.000	-	-	32.000	22.000	80.000	80.000	-	-	60.000	60.000	-	-		
(1)	Dự án hoàn thành năm 2016			21.999	19.799	5.000	5.000	-	-	5.000	5.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
	Dự án nhóm C																				
19	Hệ thống cấp nước sinh hoạt trung tâm huyện Lý Sơn		1542/QĐ-UBND, 25/10/2013; 404/QĐ-UBND 17/3/2016	21.999	19.799	5.000	5.000	-	-	5.000	5.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
(2)	Dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2018			250.000	148.000	147.000	127.000	-	-	27.000	17.000	80.000	80.000	-	-	60.000	60.000	-	-		
	Dự án nhóm B																				
20	Đề Phò Minh (giai đoạn 1)		1966c/QĐ-UBND, 30/10/2015	80.000	80.000	67.000	67.000	-	-	17.000	17.000	50.000	50.000	-	-	30.000	30.000	-	-		
21	Các tuyến đê huyện Bình Sơn: Đập ngăn mặn Trà Bồng		2031/QĐ-UBND ngày 26/10/2016	170.000	68.000	80.000	60.000	-	-	10.000	10.000	30.000	30.000	-	-	30.000	30.000	-	-		
V	Chương trình mục tiêu đầu tư hạ tầng khu kinh tế ven biển, khu kinh tế cửa khẩu, khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu công nghệ cao, khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao			1.863.506	1.439.067	620.536	550.536	-	-	340.000	340.000	223.700	123.700	-	-	103.700	103.700	-	-		
(1)	Dự án dự thành năm 2016			61.078	61.078	30.000	30.000	-	-	30.000	30.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
	Dự án nhóm B																				
22	Khu dân cư Hải Nam (thuộc dự án đầu tư hạ tầng các khu dân cư trong đô thị Vạn Tường)		1603/QĐ-UBND ngày 30/10/2014	61.078	61.078	30.000	30.000	-	-	30.000	30.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
(2)	Trả nợ Dự án dự thành năm 2017			734.439	500.000	271.000	221.000	-	-	220.000	220.000	81.000	1.000	-	-	1.000	1.000	-	-		
	Dự án nhóm B																				
23	Dự án thành phần II đoạn Bình Long - cảng Dung Quất (giai đoạn 2)	7.366.586	117/QĐ-BQL ngày 21/3/2006, 629/QĐ-BQL ngày 23/9/2008	446.978	300.000	130.000	110.000	-	-	109.000	109.000	61.000	1.000	-	-	1.000	1.000	-	-		
24	Dự án Cầu Trà Bồng (trên tuyến Đê Sỏi - Dung Quất)	7413767	1605/QĐ-UBND, 31/10/2013	287.461	200.000	141.000	111.000	-	-	111.000	111.000	20.000	-	-	-	-	-	-	-		
(3)	Dự án dự kiến hoàn thành năm 2018			397.712	207.712	122.700	102.700	-	-	60.000	60.000	62.700	42.700	-	-	42.700	42.700	-	-		
	Dự án nhóm B																				
25	Xây dựng đường giao thông trục chính nối Trung tâm phía Bắc và phía Nam đô thị Vạn Tường	7241654	1448/QĐ-UBND ngày 30/9/2011	397.712	207.712	122.700	102.700	-	-	60.000	60.000	62.700	42.700	-	-	42.700	42.700	-	-		
(4)	Dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2018			239.531	239.531	100.000	100.000	-	-	30.000	30.000	50.000	50.000	-	-	40.000	40.000	-	-		
	Dự án nhóm B																				
26	Các tuyến đường trục vào KCN nông Dung Quất phía Đông	7564310	1967e/QĐ-UBND, 31/10/2015	239.531	239.531	100.000	100.000	-	-	30.000	30.000	50.000	50.000	-	-	40.000	40.000	-	-		
(4)	Dự án khởi công mới năm 2018			146.876	146.876	40.000	40.000	-	-	-	-	30.000	30.000	-	-	20.000	20.000	-	-		

STT	Danh mục dự án	Mã dự án	Quyết định đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh đã được TTg giao kế hoạch các năm			Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016-2020			Kế hoạch trung hạn đã giao đến hết năm 2017		Nhu cầu năm 2018			Dự kiến KH 2018			Ghi chú			
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	TPCP		Tổng số	Trong đó: vốn TPCP	Tổng số	Trong đó: TPCP		Tổng số	Trong đó: TPCP					
				Tổng số	Trong đó: TPCP		Tổng số	Trong đó				Tổng số	Trong đó: Thu hồi các khoản ứng trước TPCP		Thanh toán nợ XDCB	Tổng số		Trong đó: Thu hồi các khoản ứng trước TPCP	Thanh toán nợ XDCB	
								Tổng số												Trong đó: Thanh toán nợ XDCB
11	Trường MG điểm thôn Tây Trà Bùi		Số 460/QĐ-UBND ngày 31/3/2017	900	720	900	720			900	720									
12	Trường MG điểm tổ 8 thôn Quê Trà Bùi		Số 460/QĐ-UBND ngày 31/3/2017	900	720	900	720			900	720									
13	Trường tiểu học Trà Bùi		Số 460/QĐ-UBND ngày 31/3/2017	630	450	630	450			630	450									
	Huyện Sơn Tây			2.520	1.800	2.520	1.800			2.520	1.800									
14	Trường tiểu học Sơn Múa		Số 407a/QĐ-UBND ngày 31/3/2017	2.520	1.800	2.520	1.800			2.520	1.800									
	Huyện Tư Nghĩa			3.600	2.880	3.600	2.880			3.600	2.880									
15	Trường mầm non Nghĩa Thọ		Số 1108/QĐ-UBND ngày 31/3/2017	3.600	2.880	3.600	2.880			3.600	2.880									
	Huyện Tây Trà			3.780	2.700	3.780	2.700			3.780	2.700									
16	Trường tiểu học Trà Thọ		176a/QĐ-UBND ngày 31/3/2017	3.780	2.700	3.780	2.700			3.780	2.700									
	Huyện Bình Sơn			3.600	2.880	3.600	2.880			3.600	2.880									
17	Trường mầm non Bình Trị		Số 515/QĐ-UBND ngày 31/3/2017	3.600	2.880	3.600	2.880			3.600	2.880									
(2)	Dự án dự kiến khởi công mới năm 2018			63.450	47.070	63.450	47.070			-	-	63.450	47.070			63.450	47.070			
	Dự án nhóm C																			
	Huyện Ba Tư			5.040	3.600	5.040	3.600			5.040	3.600			5.040	3.600					
1	Trường tiểu học Ba Thành			5.040	3.600	5.040	3.600			5.040	3.600			5.040	3.600					
	Thành phố Quảng Ngãi			3.780	2.700	3.780	2.700			3.780	2.700			3.780	2.700					
2	Trường tiểu học số 2 Tinh Hòa			3.780	2.700	3.780	2.700			3.780	2.700			3.780	2.700					
	Huyện Minh Long			5.040	3.600	5.040	3.600			5.040	3.600			5.040	3.600					
3	Trường tiểu học Thanh An			5.040	3.600	5.040	3.600			5.040	3.600			5.040	3.600					
	Huyện Trà Bồng			7.110	5.310	7.110	5.310			7.110	5.310			7.110	5.310					
4	Trường MG điểm tổ 7 thôn Quê Trà Bùi			900	720	900	720			900	720			900	720					
5	Trường MG điểm thôn 3 Trà Thủy			900	720	900	720			900	720			900	720					
6	Trường MG điểm thôn 5 Trà Thủy			900	720	900	720			900	720			900	720					
7	Trường tiểu học Trà Thủy (Thôn 4)			630	450	630	450			630	450			630	450					
8	Trường tiểu học Trà Thủy (Thôn 2)			1.260	900	1.260	900			1.260	900			1.260	900					
9	Trường tiểu học Trà Thủy (Thôn 3)			1.260	900	1.260	900			1.260	900			1.260	900					
10	Trường tiểu học Trà Tân (Thôn Tây)			1.260	900	1.260	900			1.260	900			1.260	900					
	Huyện Sơn Tây			7.200	5.580	7.200	5.580			7.200	5.580			7.200	5.580					
11	Trường MG Sơn Múa			3.600	2.880	3.600	2.880			3.600	2.880			3.600	2.880					
12	Trường MG Sơn Múa (Hoa Pơ Niêng)			1.800	1.440	1.800	1.440			1.800	1.440			1.800	1.440					
13	Trường MG Sơn Múa (Hoa Pơ Niêng-Tập đoàn 1)			900	720	900	720			900	720			900	720					
14	Trường MG Sơn Múa (Hoa Pơ Niêng-Tập đoàn 2)			900	540	900	540			900	540			900	540					
	Huyện Tây Trà			7.380	5.580	7.380	5.580			7.380	5.580			7.380	5.580					
15	Trường Mẫu giáo Trà Trung			3.600	2.880	3.600	2.880			3.600	2.880			3.600	2.880					
16	Trường tiểu học Trà Xinh			3.780	2.700	3.780	2.700			3.780	2.700			3.780	2.700					

STT	Danh mục dự án	Mã dự án	Quyết định đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh đã được TTg giao kế hoạch các năm		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016-2020			Kế hoạch trung hạn đã giao đến hết năm 2017		Nhu cầu năm 2018			Dự kiến KH 2018			Ghi chú		
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMBT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	TPCP			Tổng số	Trong đó: vốn TPCP	Tổng số	Trong đó: TPCP		Tổng số		Trong đó: TPCP	
				Tổng số	Trong đó: TPCP		Tổng số	Trong đó					Tổng số	Tổng số			Trong đó:	
								Thu hồi các khoản ứng trước TPCP	Thanh toán nợ XDCB								Thu hồi các khoản ứng trước TPCP	Thanh toán nợ XDCB
	Huyện Mỹ Đức		11.160	8.280	11.160	8.280					11.160	8.280		11.160	8.280			
17	Trường mầm non Đức Chính		3.600	2.880	3.600	2.880					3.600	2.880		3.600	2.880			
18	Trường mầm non Đức Phong		3.780	2.700	3.780	2.700					3.780	2.700		3.780	2.700			
19	Trường tiểu học Đức Minh		3.780	2.700	3.780	2.700					3.780	2.700		3.780	2.700			
	Huyện Bình Sơn		7.560	5.400	7.560	5.400					7.560	5.400		7.560	5.400			
20	Trường tiểu học Bình Trị		2.520	1.800	2.520	1.800					2.520	1.800		2.520	1.800			
21	Trường tiểu học Bình Đông		2.520	1.800	2.520	1.800					2.520	1.800		2.520	1.800			
22	Trường tiểu học Bình Thạnh		2.520	1.800	2.520	1.800					2.520	1.800		2.520	1.800			
	Huyện Lý Sơn		9.180	7.020	9.180	7.020					9.180	7.020		9.180	7.020			
23	Trường mầm non An Vĩnh		3.600	2.880	3.600	2.880					3.600	2.880		3.600	2.880			
24	Trường mầm non An Hải		1.800	1.440	1.800	1.440					1.800	1.440		1.800	1.440			
25	Trường tiểu học An Hải		3.780	2.700	3.780	2.700					3.780	2.700		3.780	2.700			



Phụ lục 8

Chi tiết dự kiến kế hoạch đầu tư vốn nước ngoài và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài đưa vào ngân sách trung ương năm 2018

theo số 42 Ban hành kèm theo Thông tư số 03/2017/TT-BKHĐT của Bộ Tài chính và số 8/BC-UBND ngày 08/2017 của UBND tỉnh Quảng Ngãi

Đơn vị: Triệu đồng

Table with columns for TT, Danh mục dự án, Mã dự án, Năm lập dự án, Năm thực hiện dự án, Số quyết định, and various financial columns for different years (2017, 2018, 2019, 2020, 2021, 2022) categorized by funding source (Tài trợ nước ngoài, Vốn nước ngoài, etc.).

Phụ lục 9

Biên bản số 47b Ban hành kèm theo Thông tư số 03/2017/TT-BKHĐT
DỰ AN ĐẦU TƯ VÀ CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA NĂM 2018
 (theo Quyết định 17/BC-UBND ngày 18/2017 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

Đơn vị: Triệu đồng



TT	Chương trình	Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016-2017										Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016-2020 đã bỏ trị đến hết năm 2017										Dự kiến kế hoạch năm 2018										
		Trong đó:					Trong đó:					Trong đó:					Trong đó:					Trong đó:										
		NSNN					NSNN					NSNN					NSNN					NSNN										
		NSTW		NSDP			NSTW		NSDP			NSTW		NSDP			NSTW		NSDP			NSTW		NSDP								
DTP		SN			DTP		SN			DTP		SN			DTP		SN			DTP		SN										
Trong nước		Ngoài nước			Trong nước		Ngoài nước			DTP		SN			Trong nước		Ngoài nước			DTP		SN			Trong nước		Ngoài nước					
Tổng số		Tin dụng đầu tư phát triển			Tin dụng đầu tư phát triển			Tin dụng đầu tư phát triển			Tin dụng đầu tư phát triển		Tin dụng đầu tư phát triển			Tin dụng đầu tư phát triển		Tin dụng đầu tư phát triển			Tin dụng đầu tư phát triển		Tin dụng đầu tư phát triển			Tin dụng đầu tư phát triển		Tin dụng đầu tư phát triển				
Tổng số		Tin dụng đầu tư phát triển			Tin dụng đầu tư phát triển			Tin dụng đầu tư phát triển			Tin dụng đầu tư phát triển		Tin dụng đầu tư phát triển			Tin dụng đầu tư phát triển		Tin dụng đầu tư phát triển			Tin dụng đầu tư phát triển		Tin dụng đầu tư phát triển			Tin dụng đầu tư phát triển		Tin dụng đầu tư phát triển				
Tổng số		Tin dụng đầu tư phát triển			Tin dụng đầu tư phát triển			Tin dụng đầu tư phát triển			Tin dụng đầu tư phát triển		Tin dụng đầu tư phát triển			Tin dụng đầu tư phát triển		Tin dụng đầu tư phát triển			Tin dụng đầu tư phát triển		Tin dụng đầu tư phát triển			Tin dụng đầu tư phát triển		Tin dụng đầu tư phát triển				
Tổng số		Tin dụng đầu tư phát triển			Tin dụng đầu tư phát triển			Tin dụng đầu tư phát triển			Tin dụng đầu tư phát triển		Tin dụng đầu tư phát triển			Tin dụng đầu tư phát triển		Tin dụng đầu tư phát triển			Tin dụng đầu tư phát triển		Tin dụng đầu tư phát triển			Tin dụng đầu tư phát triển		Tin dụng đầu tư phát triển				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33
	TỔNG SỐ	3.283.232	2.280.232	0	0	0	825.000	0	0	0	98.000	890.714	616.714	0	0	0	176.000	0	0	0	98.000	690.393	475.393	0	0	0	215.000	0	0	0	0	
1	CHƯƠNG TRÌNH MTOQ GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG	1.382.032	1.382.032	-	-	-	-	-	-	-	-	447.514	447.514	-	-	-	-	-	-	-	-	235.393	235.393	-	-	-	-	-	-	-	-	
	Đ án 1: Chương trình 30a	1.056.032	1.056.032									312.914	312.914									170.593	170.593									
	Đ án 2: Chương trình 135	326.000	326.000									129.600	129.600									64.800	64.800									
2	CHƯƠNG TRÌNH MTOQ XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI	1.821.200	898.200				625.000				98.000	443.200	169.200				176.000				98.000	455.000	340.000				215.000					